

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2024/HNGĐ- ST**

Ngày: 22-5-2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thu Hiền; ông Lương Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Thào A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Thào Thị B**, sinh ngày 01/3/1997.

Nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Sùng A V**, sinh ngày 05/10/1996.

Nơi cư trú: Bản D, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(*Hiện đang chấp hành án tại đội 13, phân trại 1, trại giam Nà Tấu, Bộ Công an*). Địa chỉ: Xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

**- Người phiên dịch cho nguyên đơn:**

Anh **Hạng A T**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn Đ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thào Thị B trình bày:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thào Thị B và anh Sùng A V chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu và đến năm 2019 anh Sùng A V bị bắt về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị phạt 16 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu. Hiện chị Thào Thị B thấy không còn tình cảm với anh Sùng A V nữa. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng A V.

[2]. *Về con chung, con riêng:* Chị Thào Thị B và anh Sùng A V có 03 con chung là các cháu: Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/9/2018.

Hiện các cháu đang sống cùng chị Thào Thị B tại bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi ly hôn, chị Thào Thị B có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu vì anh Sùng A V đang phải chấp hành án, nên không có điều kiện nuôi các cháu. Chị Thào Thị B không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Thào Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đối với bị đơn:* Ngày 16 tháng 02 năm 2024, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông làm Công văn số: 16/2024/CV-TA, ngày 16 tháng 02 năm 2024 gửi nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án số: 35/TB-TLVA, ngày 16 tháng 02 năm 2024 cho bị đơn anh Sùng A V. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý anh Sùng A V không có ý kiến gì.

Ngày 13/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã cùng nguyên đơn chị Thào Thị B trực tiếp xuống trại giam Nà Tấu tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai hỏi 10 giờ 00 phút ngày 13/3/2024, tại Trại giam Nà Tấu bị đơn anh Sùng A V trình bày:*

1- *Về hôn nhân:* Anh Sùng A V thừa nhận anh và chị Thào Thị B lấy nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2018 và có với nhau 03 người con chung. Nay chị Thào Thị B làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông giải quyết ly hôn anh V không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm với chị B.

2- *Về con chung:* Anh Sùng A V và chị Thào Thị B có 03 người con chung là: Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/9/2018. Trường hợp chị Thào Thị B cương quyết ly hôn thì anh Sùng A V có nguyện vọng để 03 người con chung ở với bố để anh là ông Sùng V và Z khi anh chấp hành án xong anh sẽ về nuôi dưỡng các cháu.

3- *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh Sùng A V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: Các cháu: Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 trên 07 tuổi Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến, các cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì bố các cháu đang đi chấp hành án. Đối với cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/9/2018 còn nhỏ.

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Thào Thị B cho chị B được ly hôn anh Sùng A V. Giao các cháu Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày: 16/9/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thào Thị B.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thào Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Thào Thị B đối với anh Sùng A V và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Thào Thị B, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản D, xã P, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:*

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ và đã làm Công văn nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt trực tiếp cho anh Sùng A V. Tuy nhiên, anh Sùng A V đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày 25/4/2024, anh Sùng A V không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngay sau khi ban hành Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã gửi Quyết định hoãn phiên tòa bảo đảm qua đường Bưu điện và nhờ cán bộ Trại giam Nà Tấu tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2024, anh Sùng A V đã nhận Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Sùng A V vẫn không có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ bị đơn tước đi quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

*[4]. Về điều luật áp dụng:* Chị Thào Thị B và anh Sùng A V lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên ngày 14/8/2018, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

*[5]. Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Thào Thị B và anh Sùng A V là hợp pháp. Hiện tại chị Thào Thị B không còn tình cảm với anh Sùng A V. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị B và anh V là kể từ ngày anh V phải đi chấp hành án 16 năm tù, một mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng con vất vả, hiện chị thấy không còn tình cảm với anh V, mục đích hôn nhân không đạt được và chị muốn có cuộc sống riêng. UBND xã P cũng đã xác nhận tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị Thào Thị B cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, chị B không còn tình cảm với anh V và chị muốn có cuộc sống riêng là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh Sùng A V đã vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 16 năm tù, nên không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ một người chồng để thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị B, giải quyết cho chị Thào Thị B ly hôn với anh Sùng A V.

[6]. *Về con chung, con riêng*: Chị Thào Thị B và anh Sùng A V có 03 con chung là các cháu Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày: 16/9/2018. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu vì hiện tại các cháu còn nhỏ tuổi, việc cấp dưỡng chị B không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị B là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cả 03 cháu cho chị Thào Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị B không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét. Anh V có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Sùng A V đề nghị giao các con là Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/9/2018 cho bố đẻ anh là ông Sùng Vá Z chăm sóc, nuôi dưỡng khi anh chấp hành án xong anh sẽ về nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu chị Thào Thị B cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị này không phù hợp quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, không đảm bảo quyền, lợi ích của các con, hiện tại cả 03 cháu đang sống ổn định với chị Thào Thị B. Nên ý kiến của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7]. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Thào Thị B không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án anh Sùng A V không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Án phí*: Quá trình giải quyết vụ án chị Thào Thị B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Mông đang cư trú tại Bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thào Thị B là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 69; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

[1]. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị Thào Thị B được ly hôn với bị đơn anh Sùng A V.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung là các cháu Sùng Thị K, sinh ngày 03/01/2015, Sùng Thị Chi M, sinh ngày 24/12/2016 và cháu Sùng Thị H, sinh ngày: 16/9/2018 cho chị Thào Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Thào Thị B không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[3]. *Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị Thào Thị B và anh Sùng A V không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Thào Thị B và anh Sùng A V được miễn án phí DSST.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Thào Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2024). Bị đơn anh Sùng A V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Pú Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thanh Giang**